

1. Tổ chức quản lý giống vật nuôi trong phạm vi địa phương theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản;

2. Thực hiện chính sách đầu tư hỗ trợ vật nuôi trên địa bàn tỉnh, thành phố;

3. Ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện việc quản lý Nhà nước về giống vật nuôi tại địa phương;

4. Quy định việc xét, cấp hoặc thu hồi giấy phép kinh doanh giống vật nuôi tại địa phương theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về giống vật nuôi ngành Nông nghiệp, của Bộ Thủy sản về giống vật nuôi ngành Thủy sản;

5. Tổ chức kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm quy định về quản lý giống vật nuôi ở địa phương;

6. Tổ chức hội chợ, thi tuyển các giống vật nuôi tốt tại địa phương.

Điều 28.- Các cấp quản lý ngành Nông nghiệp, ngành Thủy sản từ Trung ương đến các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc kiểm tra đột xuất về chất lượng đàn giống và nghiệp vụ quản lý giống của các cơ sở nuôi giống gốc, giống ông bà, giống bố mẹ, trạm thụ tinh nhân tạo, trạm kiểm tra năng suất và các cơ sở nuôi con giống mới nhập nội và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Nghị định này.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản theo chức năng và quyền hạn của mình quy định chế độ kiểm tra, thanh tra giống vật nuôi và phân công, phân cấp việc tổ chức kiểm tra thường xuyên và kiểm tra đột xuất.

Điều 29.- Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài có hoạt động liên quan đến giống vật nuôi trên lãnh thổ Việt Nam phải tuân theo Nghị định này.

Điều 30.- Các tổ chức, cá nhân có thành tích về quản lý giống vật nuôi, chọn lọc, bảo vệ, bồi dục tài nguyên giống, tạo giống mới, nhân nhanh giống, chỉ đạo phát triển giống trong sản xuất sẽ được khen thưởng.

Người có hành vi vi phạm các quy định trong Nghị định này thì tùy theo mức độ gây thiệt hại cho Nhà nước và tổ chức, cá nhân sẽ bị xử phạt và bồi thường vật chất theo quy định của pháp luật.

Điều 31.- Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản theo chức năng và quyền hạn của mình

phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra thi hành Nghị định này.

Điều 32.- Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
K.T. Thủ tướng
Phó Thủ tướng
PHAN VĂN KHAI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 15-CP ngày 19-3-1996 về việc quản lý thức ăn chăn nuôi.

CHÍNH PHỦ

Can cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Để tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước về thức ăn chăn nuôi;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Thủy sản,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Trong Nghị định này những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Vật nuôi gồm các loại gia súc, gia cầm, ong, tằm, thủy sản.

2. Thức ăn chăn nuôi là sản phẩm đã qua chế biến công nghiệp có nguồn gốc thực vật, động vật, vi sinh vật, hóa chất, khoáng chất cung cấp cho vật nuôi các chất dinh dưỡng để bảo đảm cho hoạt động sống, sinh trưởng, phát triển và sinh sản.

3. Nguyên liệu thức ăn hay thức ăn đơn là các loại sản phẩm dùng để chế biến thành thức ăn chăn nuôi.

4. Thức ăn bổ sung là loại vật chất cho thêm vào khẩu phần ăn để cân đối thêm các chất cần thiết cho cơ thể vật nuôi.

5. Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh là hỗn hợp nhiều thức ăn đơn được phối chế theo công thức, bảo đảm có đủ các chất dinh dưỡng duy trì được đời sống và sức sản xuất của vật nuôi không cần cho thêm loại thức ăn nào khác ngoài nước uống.

6. Thức ăn giàu đạm là thức ăn có hàm lượng protein thô trên 35% tính theo trọng lượng vật chất khô.

7. Thức ăn đậm đặc là thức ăn giàu đạm có hàm lượng cao về protein, khoáng, vitamin, axit amin và kháng sinh.

8. Premix là hỗn hợp các chất vi dinh dưỡng cùng với chất mang (chất đệm).

9. Khẩu phần hàng ngày là lượng thức ăn cần thiết đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng trong một ngày đêm cho một vật nuôi theo từng giai đoạn để duy trì, phát triển đảm bảo đạt được năng suất nhất định.

10. Thức ăn hàng hóa là thức ăn được lưu thông, tiêu thụ trên thị trường.

Điều 2.- Nhà nước thống nhất quản lý về sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu thức ăn chăn nuôi nhằm bảo hộ lợi ích hợp pháp của người sản xuất, kinh doanh và người sử dụng thức ăn chăn nuôi.

Điều 3.- Nhà nước đầu tư vốn ngân sách vào việc:

1. Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật bảo đảm hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước về kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi;

2. Đào tạo cán bộ chuyên ngành về thức ăn chăn nuôi làm nhiệm vụ kiểm nghiệm đánh giá chất lượng thức ăn, xây dựng tiêu chuẩn chất lượng thức ăn cho vật nuôi.

Điều 4.- Nhà nước có chính sách tín dụng phù hợp đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất thức ăn chăn nuôi để tăng cường cơ sở vật chất, đổi mới trang thiết bị, công nghệ, từng bước hiện đại hóa ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi.

Điều 5.- Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài sản xuất thức ăn chăn nuôi trên lãnh thổ Việt Nam phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Có địa điểm, nhà xưởng, trang thiết bị, quy trình công nghệ để sản xuất thức ăn bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh chăn nuôi thú y và vệ sinh môi trường;

2. Có điều kiện hoặc phương tiện kiểm tra chất lượng nguyên liệu và sản phẩm trước khi xuất xưởng;

3. Có nhân viên kỹ thuật đáp ứng yêu cầu công nghệ sản xuất và kiểm nghiệm chất lượng thức ăn chăn nuôi.

Điều 6.- Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi phải có giấy phép kinh doanh theo pháp luật.

Điều 7.- Tổ chức, cá nhân sản xuất các loại thức ăn chăn nuôi hàng hóa phải đăng ký tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa theo quy định của pháp luật.

Điều 8.- Thức ăn xuất xưởng phải qua kiểm nghiệm, ghi kết quả kiểm nghiệm và lưu mẫu để theo dõi.

Điều 9.- Tổ chức, cá nhân chỉ được sản xuất các loại thức ăn chăn nuôi đúng tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký và có nhãn hiệu hàng hóa.

Điều 10.- Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi không được đồng thời sản xuất, kinh doanh các ngành khác có độc hại ở cùng một địa điểm.

Điều 11.- Địa điểm sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi phải treo biển tên doanh nghiệp đã đăng ký.

Điều 12.- Cấm sản xuất, kinh doanh các loại thức ăn chăn nuôi sau đây:

1. Thức ăn kém phẩm chất hoặc quá hạn;

2. Thức ăn không đăng ký hoặc đã bị đình chỉ, thu hồi đăng ký;

3. Thức ăn đựng trong bao bì không đúng quy cách, không có nhãn hiệu;

4. Thức ăn chăn nuôi có trong danh mục không được phép sản xuất, kinh doanh do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định đối với thức ăn chăn nuôi thuộc ngành Nông nghiệp; Bộ trưởng Bộ Thủy sản quy định đối với thức ăn chăn nuôi thuộc ngành Thủy sản;

5. Thức ăn chăn nuôi có hoạt tính hoóc môn hoặc kháng hoóc môn, các độc tố và các chất có hại trên mức quy định.

Điều 13.- Các loại thức ăn chăn nuôi hàng hóa đều phải có bao bì và có nhãn. Trường hợp giao hàng rời, không cần có nhãn thì phải có giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn chất lượng theo hợp đồng, có ghi ngày sản xuất và hạn sử dụng.

Điều 14.- Các nguyên liệu quý hiếm dùng làm thức ăn chăn nuôi phải đựng trong bao bì và phải có nhãn.

Điều 15.- Nhân hiệu phải ghi bằng chữ Việt Nam, cũng có thể ghi thêm bằng chữ nước ngoài, nội dung ghi trên nhân do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định đối với thức ăn chăn nuôi thuộc ngành Nông nghiệp; Bộ Thủy sản quy định đối với thức ăn chăn nuôi thuộc ngành Thủy sản.

Điều 16.- Các loại thức ăn chăn nuôi có chất phi dinh dưỡng dùng để chẩn đoán, chữa bệnh hoặc ngăn chặn bệnh có ảnh hưởng tới vật nuôi thì nhân, mác phải ghi rõ tên và số lượng chất đó, cách sử dụng, ngày sản xuất, hạn dùng và lưu ý về cách dùng.

Điều 17.- Chỉ được quảng cáo những sản phẩm thức ăn chăn nuôi hàng hóa đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận chất lượng.

Điều 18.- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu xuất khẩu, nhập khẩu thức ăn chăn nuôi phải làm thủ tục xin cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu theo pháp luật hiện hành đối với việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng nông sản.

Điều 19.- Cấm nhập khẩu các loại thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có các yếu tố gây hại sức khỏe cho vật nuôi, cho người và gây ô nhiễm môi trường. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Thủy sản trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình quy định danh mục cụ thể các loại thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi cấm nhập khẩu và công bố vào tháng 1 hàng năm.

Điều 20.- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình thực hiện quản lý Nhà nước về thức ăn chăn nuôi trong phạm vi cả nước, có trách nhiệm:

1. Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách khuyến khích sản xuất, nâng cao chất lượng thức ăn chăn nuôi;

2. Quản lý Nhà nước về sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi;

3. Xây dựng tiêu chuẩn Việt Nam về thức ăn chăn nuôi để cơ quan có thẩm quyền ban hành Tiêu chuẩn Việt Nam;

4. Kiểm tra, thanh tra chất lượng thức ăn chăn nuôi;

5. Hàng năm công bố danh mục thức ăn và nguyên liệu thức ăn không được phép sản xuất, kinh doanh;

6. Chủ trì phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ quy hoạch, kế hoạch sản xuất, chế biến thức ăn cho các động vật nuôi. Ban hành

các văn bản hướng dẫn các ngành, các địa phương và các cơ sở về quản lý thức ăn chăn nuôi.

Điều 21.- Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện và chỉ đạo các hoạt động quản lý thức ăn chăn nuôi trong phạm vi địa phương thông qua hệ thống quản lý Nhà nước của ngành Nông nghiệp hoặc ngành Thủy sản như sau:

1. Tổ chức quản lý thức ăn chăn nuôi trong phạm vi địa phương theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với thức ăn chăn nuôi ngành Nông nghiệp, của Bộ Thủy sản đối với thức ăn chăn nuôi ngành Thủy sản;

2. Ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện việc quản lý Nhà nước về thức ăn chăn nuôi tại địa phương;

3. Quyết định việc xét cấp hoặc thu hồi giấy phép sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi tại địa phương trong phạm vi thẩm quyền của mình;

4. Kiểm tra và xử lý các vi phạm về quản lý thức ăn chăn nuôi ở địa phương

Điều 22.- Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Thủy sản theo chức năng và quyền hạn của mình quy định cơ quan quản lý Nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi thuộc phạm vi của ngành

Điều 23.- Cơ quan quản lý Nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi có nhiệm vụ:

1. Kiểm tra chất lượng thức ăn trong sản xuất, kinh doanh và sử dụng trong chăn nuôi;

2. Giải quyết các tranh chấp về chất lượng thức ăn chăn nuôi;

3. Kiểm nghiệm chất lượng thức ăn chăn nuôi, cấp giấy chứng nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi.

Điều 24.- Cơ quan quản lý chất lượng thức ăn chăn nuôi có quyền cử người đến các cơ sở sản xuất, kinh doanh tìm hiểu tình hình, lấy mẫu, thu thập các tài liệu cần thiết theo quy định để đánh giá chất lượng thức ăn

Việc lấy mẫu kiểm tra chất lượng thức ăn có giá trị pháp lý kể cả khi cùng một cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi. Người lấy mẫu phải lập biên bản lấy mẫu và để lại một mẫu ở nơi lấy mẫu (có niêm phong)

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Điều 25.- Khi có khiếu nại về kết quả kiểm tra chất lượng thức ăn, cơ quan quản lý Nhà nước về chất lượng thức ăn cấp trên một cấp xem xét giải quyết, nếu người khiếu nại không đồng ý với kết luận giải quyết đó thì có thể đề nghị cơ quan quản lý Nhà nước về thức ăn chăn nuôi của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Bộ Thủy sản xem xét giải quyết theo chức năng, quyền hạn của mình. Kết luận của cơ quan quản lý Nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Bộ Thủy sản là kết luận cuối cùng.

Điều 26.- Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi phải nộp lệ phí, phí tổn cho việc kiểm tra chất lượng thức ăn.

Điều 27.- Khi sản phẩm thức ăn chăn nuôi không đạt tiêu chuẩn chất lượng, thì cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền có quyền đình chỉ xuất xưởng, đình chỉ việc tiêu thụ sản phẩm. Thức ăn chăn nuôi không bảo đảm an toàn cho vật nuôi thì bị thu hồi và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 28.- Tổ chức, cá nhân có thành tích về quản lý thức ăn chăn nuôi, nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi sẽ được khen thưởng.

Người có hành vi vi phạm các quy định trong Nghị định này, tùy theo mức độ gây thiệt hại cho Nhà nước và cho tổ chức, cá nhân sẽ bị xử phạt và bồi thường vật chất theo quy định của pháp luật.

Điều 29.- Cơ quan quản lý Nhà nước và người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi mà vi phạm các quy định về xử phạt hoặc xử phạt không đúng thẩm quyền thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý tử hình thức kỷ luật hành chính đến truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại về vật chất cho Nhà nước, tổ chức hoặc cá nhân thì phải bồi thường.

Điều 30.- Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản theo chức năng và quyền hạn của mình phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn và đôn đốc, kiểm tra thi hành Nghị định này.

Điều 31.- Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố

trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
K.T. Thủ tướng
Phó Thủ tướng
PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 16-CP ngày 20-3-1996 quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về hải quan.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 6 tháng 7 năm 1995;

Căn cứ Pháp lệnh Hải quan ngày 20 tháng 2 năm 1990;

Xét đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.-

1. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về hải quan, bao gồm:

- a) Vi phạm các quy định về thủ tục hải quan;
- b) Vi phạm các quy định về giám sát, kiểm tra, kiểm soát hải quan;
- c) Vi phạm các quy định về xuất khẩu, nhập khẩu hoặc quá cảnh đối với hàng hóa, hành lý, bưu phẩm, bưu kiện, ngoại hối, tiền Việt Nam và những vật phẩm khác (dưới đây gọi chung là hàng hóa, vật phẩm) và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh Việt Nam;